

**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : General English - MH1105045

Mã lớp học phần: 25111MH110504501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

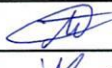
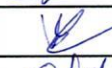
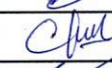
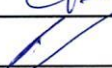
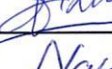
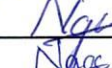
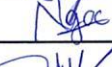
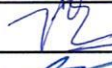
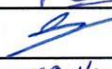
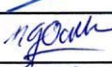
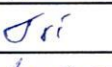
Ngày thi: 8.9.2025 Giờ thi: 8 giờ 45 Phòng thi: A2.14

Giám thị 1: Trương TN Thu Ký tên: 

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310130015	Đỗ Hoài An	20/01/2005	C25TA		5.0	Năm không	
2	2310130008	Lê Huỳnh Gia Bảo	11/08/2005	C25TA		5.0	Năm không	
3	2310130026	Trần Huỳnh Bảo Châu	12/02/2003	C25TA		7.0	Bảy không	
4	2310130016	Nguyễn Thái Duy	18/05/2005	C25TA		8.5	Tám năm	
5	2310130013	Võ Hồng Đào	23/07/2005	C25TA		7.0	Bảy không	
6	2310130017	Nguyễn Thị Xuân Hương	31/01/2004	C25TA		7.5	Bảy năm	
7	2310130002	Lê Thị Kiều Nga	09/02/2001	C25TA		8.0	Tám không	
8	2310130027	Trần Như Ngọc	14/10/2005	C25TA		8.0	Tám không	
9	2310130031	Lê Thị Minh Nguyệt	27/06/2002	C25TA		7.0	Bảy không	
10	2310130005	Võ Thị Yên Nhạn	06/1/2005	C25TA		5.0	Năm không	
11	2310130007	Lý Hồng Nhi	18/08/2005	C25TA		6.0	Sáu không	
12	2310130020	Nguyễn Ngọc Như	24/04/2005	C25TA		8.0	Tám không	
13	2310130018	Trần Nguyễn Quỳnh Như	30/10/2005	C25TA		8.0	Tám không	
14	2310160004	Trần Thị Tuyết Phương	06/11/2005	C25TA		6.0	Sáu không	
15	2310130023	Huỳnh Lê Kim Thảo	24/10/2005	C25TA		10.0	Mười không	
16	2310130025	Võ Hữu Thọ	21/07/2005	C25TA		7.0	Bảy không	
17	2310130022	Ngô Kim Thùy	08/05/2005	C25TA		8.5	Tám năm	
18	2310130029	Phạm Ngọc Huyền Trân	16/08/2005	C25TA		8.0	Tám không	
19	2310130032	Nguyễn Việt Bảo Trí	19/12/2004	C25TA		10.0	Mười không	
20	2310130004	Nguyễn Thị Thanh Trúc	21/06/2005	C25TA		7.0	Bảy không	
21	2310130003	Phan Huỳnh Cẩm Tú	14/11/2005	C25TA		7.0	Bảy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

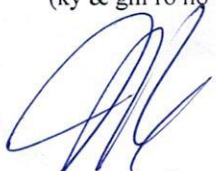
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 vắng thi: 0 Số bài thi: 21 /

Ngày: 27 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Ngọc Thu

Ngày: 10 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : General English - MH1105045

Mã lớp học phần: 25111MH110504501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 9.9.2025 Giờ thi: 10 giờ 30 Phòng thi: A2.14

Giám thị 1: Trương TN Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310130015	Đỗ Hoài An	20/01/2005	C25TA	<u>Đỗ</u>	7.0	Bảy không	
2	2310130008	Lê Huỳnh Gia Bảo	11/08/2005	C25TA	<u>Lê</u>	5.0	Năm không	
3	2310130026	Trần Huỳnh Bảo Châu	12/02/2003	C25TA	<u>Chu</u>	7.0	Bảy không	
4	2310130016	Nguyễn Thái Duy	18/05/2005	C25TA	<u>Duy</u>	7.0	Bảy không	
5	2310130013	Võ Hồng Đào	23/07/2005	C25TA	<u>Đào</u>	7.0	Bảy không	
6	2310130017	Nguyễn Thị Xuân Hương	31/01/2004	C25TA	<u>Hương</u>	7.0	Bảy không	
7	2310130002	Lê Thị Kiều Nga	09/02/2001	C25TA	<u>Nga</u>	9.0	Chín không	
8	2310130027	Trần Như Ngọc	14/10/2005	C25TA	<u>Ngọc</u>	9.0	Chín không	
9	2310130031	Lê Thị Minh Nguyệt	27/06/2002	C25TA	<u>Nguyệt</u>	7.0	Bảy không	
10	2310130005	Võ Thị Yên Nhận	06/1/2005	C25TA	<u>Nhận</u>	5.0	Năm không	
11	2310130007	Lý Hồng Nhi	18/08/2005	C25TA	<u>Nhi</u>	7.0	Bảy không	
12	2310130020	Nguyễn Ngọc Như	24/04/2005	C25TA	<u>Ngọc</u>	8.0	Tám không	
13	2310130018	Trần Nguyễn Quỳnh Như	30/10/2005	C25TA	<u>Quỳnh</u>	8.0	Tám không	
14	2310160004	Trần Thị Tuyết Phương	06/11/2005	C25TA	<u>Phương</u>	8.0	Tám không	
15	2310130023	Huỳnh Lê Kim Thảo	24/10/2005	C25TA	<u>Thảo</u>	10.0	Mười không	
16	2310130025	Võ Hữu Thọ	21/07/2005	C25TA	<u>Thọ</u>	8.0	Tám không	
17	2310130022	Ngô Kim Thùy	08/05/2005	C25TA	<u>Thùy</u>	8.0	Tám không	
18	2310130029	Phạm Ngọc Huyền Trân	16/08/2005	C25TA	<u>Trân</u>	8.5	Tám năm	
19	2310130032	Nguyễn Việt Bảo Trí	19/12/2004	C25TA	<u>Trí</u>	10.0	Mười không	
20	2310130004	Nguyễn Thị Thanh Trúc	21/06/2005	C25TA	<u>Trúc</u>	7.0	Bảy không	
21	2310130003	Phan Huỳnh Cẩm Tú	14/11/2005	C25TA	<u>Tú</u>	7.0	Bảy không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 vắng thi: 0 Số bài thi: 21 /

Ngày 09 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Thanh Lan

Ngày 15 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : General English - MH1105045

Mã lớp học phần: 25111MH110504501 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 8/9/2025 Giờ thi: 8 giờ 45 Phòng thi: A 2.14

Giám thị 1: Trương TN Thu Ký tên:

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2110130002	Phạm Hữu An Nhiên	26/12/1999	C23TA		80	Trăm thông	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 Số bài thi: 1

Ngày 27 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Cường

Ngày 10 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : General English - MH1105045

Mã lớp học phần: 25111MH110504501

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 9.9.2025 Giờ thi: 10 giờ 30 Phòng thi: A2.14

Giám thị 1: Trương TN Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2110130002	Phạm Hữu An	26/12/1999	C23TA	Chu	8.0	Tám không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 Số bài thi: 1 / _____.

Ngày: 22 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Cường

Ngày: 15 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : General English - MH1105045

Giám thị 1: Trương Thị Ngọc Thu

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25111MH110504501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Trần Văn Long

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

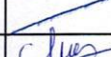
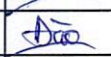
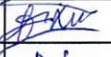
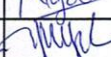
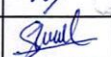
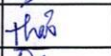
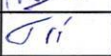
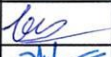
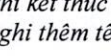
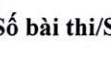
Ngày thi: 06/11/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310130015	Đỗ Hoài An	20/01/2005					C25TA	
2	2310130008	Lê Huỳnh Gia Bảo	11/08/2005					C25TA	
3	2310130026	Trần Huỳnh Bảo Châu	12/02/2003					C25TA	
4	2310130016	Nguyễn Thái Duy	18/05/2005					C25TA	
5	2310130013	Võ Hồng Đào	23/07/2005					C25TA	
6	2310130017	Nguyễn Thị Xuân Hương	31/01/2004					C25TA	
7	2310130002	Lê Thị Kiều Nga	09/02/2001					C25TA	
8	2310130027	Trần Như Ngọc	14/10/2005					C25TA	
9	2310130031	Lê Thị Minh Nguyệt	27/06/2002					C25TA	
10	2310130005	Võ Thị Yến Nhạn	06/1/2005					C25TA	
11	2310130007	Lý Hồng Nhi	18/08/2005					C25TA	
12	2310130020	Nguyễn Ngọc Như	24/04/2005					C25TA	
13	2310130018	Trần Nguyễn Quỳnh Như	30/10/2005					C25TA	
14	2310160004	Trần Thị Tuyết Phương	06/11/2005					C25TA	
15	2310130023	Huỳnh Lê Kim Thảo	24/10/2005					C25TA	
16	2310130025	Võ Hữu Thọ	21/07/2005					C25TA	
17	2310130022	Ngô Kim Thùy	08/05/2005					C25TA	
18	2310130029	Phạm Ngọc Huyền Trân	16/08/2005					C25TA	
19	2310130032	Nguyễn Việt Bảo Trí	19/12/2004					C25TA	
20	2310130004	Nguyễn Thị Thanh Trúc	21/06/2005					C25TA	
21	2310130003	Phan Huỳnh Cẩm Tú	14/11/2005					C25TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

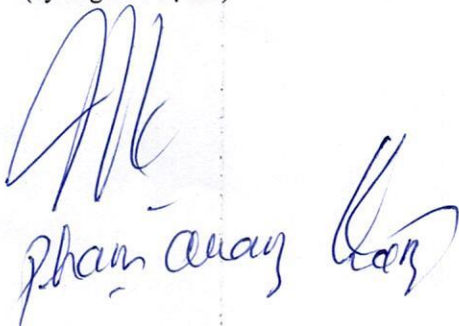
Tổng số sinh viên dự thi : 18 vắng thi: 03 . Số bài thi/Số tờ: 18 / 18 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 25 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Ngày 17 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Ngọc Thu

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 1 - Năm học 2025-2026

Môn học: General English

Mã bài thi: D3KI8W

Thời gian thi: 06/11/2025 07:45:00

Thời gian kết thúc: 06/11/2025 08:45:00

Giám thị 1: G. P. N. Oanh Ký tên: Thư

Giám thị 2: G. V. Long Ký tên: sh

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310130026	Trần Huỳnh Bảo Châu	12/02/2003	<u>Chau</u>	8.2	Tám, hai	C25TA	
2	2310130013	Võ Hồng Đào	23/07/2005	<u>Đào</u>	5.4	Năm, bốn	C25TA	
3	2310130017	Nguyễn Thị Xuân Hương	31/01/2004	<u>pho</u>	6.4	Sáu, bốn	C25TA	
4	2310130002	Lê Thị Kiều Nga	09/02/2001	<u>Nga</u>	8	Tám	C25TA	
5	2310130027	Trần Như Ngọc	14/10/2005	<u>Ngoc</u>	8.8	Tám, tám	C25TA	
6	2310130031	Lê Thị Minh Nguyệt	27/06/2002	<u>Nguyet</u>	7.6	Bảy, sáu	C25TA	
7	2310130005	Võ Thị Yến Nhat	06/01/2005	<u>Nhat</u>	5.4	Năm, bốn	C25TA	
8	2310130007	Lý Hồng Nhi	18/08/2005	<u>Nhi</u>	6.4	Sáu, bốn	C25TA	
9	2310130018	Trần Nguyễn Quỳnh Như	30/10/2005	<u>Quynh</u>	5	Năm	C25TA	
10	2310130020	Nguyễn Ngọc Như	24/04/2005	<u>Ngoc</u>	7	Bảy	C25TA	
11	2310160004	Trần Thị Tuyết Phương	06/11/2005	<u>Phuong</u>	7.4	Bảy, bốn	C25TA	
12	2310130023	Huỳnh Lê Kim Thảo	24/10/2005	<u>Thao</u>	8	Tám	C25TA	
13	2310130025	Võ Hữu Thọ	21/07/2005	<u>Tho</u>	7	Bảy	C25TA	
14	2310130022	Ngô Kim Thùy	08/05/2005	<u>Thuy</u>	7.4	Bảy, bốn	C25TA	
15	2310130029	Phạm Ngọc Huyền Trân	16/08/2005	<u>Tran</u>	8.6	Tám, sáu	C25TA	
16	2310130032	Nguyễn Việt Bảo Trí	19/12/2004	<u>Tri</u>	9.6	Chín, sáu	C25TA	
17	2310130004	Nguyễn Thị Thanh Trúc	21/06/2005	<u>Truc</u>	6.4	Sáu, bốn	C25TA	
18	2310130003	Phan Huỳnh Cẩm Tú	14/11/2005	<u>Tu</u>	3	Ba	C25TA	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 18

Số sinh viên đạt: 17

Ngày 25 tháng 11 năm 2025
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Cường

Ngày 17 tháng 11 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Ngọc Thư